**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**KHU VỰC 10** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1591/2026/DS-ST
Ngày: 30-7-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Vân Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Tuyết Hằng

2. Ông Đặng Văn Ẩn

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2026 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1161/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3009/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026 giữa:

*1. Nguyên đơn*: **Công ty T (Việt Nam)**

Địa chỉ: Số I P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Ông Lee Yun H ủy quyền cho: Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên trọn niềm tin.

Địa chỉ: P, tầng D, tòa nhà G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC ngày 17/4/2025)

Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên trọn niềm tin ủy quyền cho: Ông Nguyễn Phạm Thành N, sinh năm: 2000 – Chuyên viên pháp lý của Công ty L1

Địa chỉ liên hệ: P, tầng D, tòa nhà G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền lập ngày 17/4/2025, ông N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn*: Ông **Hà Phước B,** sinh năm: 19/10/1978; số CCCD: 079078025350;

Địa chỉ: B tổ B, ấp B, xã V, huyện B (nay là Tân Vĩnh L), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông B vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày:*

Ngày 25/08/2024, Công ty T (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 5780759 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho Ông Hà Phước B với khoản vay trị giá 24.771.000 đồng được giải ngân ngày 26/08/2024 với mức lãi suất 50%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong HĐTD cho ông Hà Phước B, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Hà Phước Bửu . Theo HĐTD, Ông Hà Phước B có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 25/09/2024 đến ngày 25/08/2026 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay ông Hà Phước B chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 9 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán 12.244.059 đồng. Trong đó:

Tổng gốc đã trả : 3.044.209 đồng

Tổng lãi, phí đã trả : 9.199.850 đồng

Ngày 25/07/2025 đến nay ông Hà Phước B không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo HĐTD đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu ông Hà Phước B thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông Hà Phước B biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông Hà Phước B vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty.

Do đã gởi thông báo nhắc nợ nhưng ông Hà Phước B vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Án giải quyết tuyên buộc ông Hà Phước B thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 30/07/2026 là: 37.556.086 đồng. Trong đó:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.726.791 đồng.

Số tiền lãi trong hạn: 7.879.351 đồng.

Số tiền lãi quá hạn: 7.403.124 đồng.

Số tiền lãi chậm trả: 546.820 đồng.

Diễn giải công thức tính lãi:

1/ Lãi trong hạn: = Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

2/ Lãi quá hạn: (Quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của HĐTD)

a) Số tiền lãi quá hạn từng kỳ: = 150% x Lãi suất% x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày

b) Số tiền lãi quá hạn: = Tổng số tiền lãi quá hạn từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

3/ Lãi chậm trả: (Quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của HĐTD)

a) Số tiền lãi chậm trả từng kỳ: = 10% x Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày

b) Số tiền lãi chậm trả: = Tổng số tiền lãi chậm trả từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc ông Hà Phước B phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 31/07/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn là ông Hà Phước B trình bày trong bản tự khai ngày 30/7/2026 và có đơn xin giải quyết vắng mặt như sau:*

Việc Công ty T (VIỆT NAM) kiện ông là đúng, ông thừa nhận còn thiếu nợ nguyên đơn, tuy nhiên trước đó giữa ông và bên Quý Công ty đã thương lượng là khoản vay này tạm hoãn lại vì ông đang gặp khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo, tật nguyền, ông xin 15 tháng nữa, kể từ tháng 11.2027 trở đi ông trả tiền vốn, hàng tháng 1.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Ông Hà Phước B không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Công ty T (Việt Nam) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Hà Phước Bửu . Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn ông Hà Phước B đang cư trú tại B tổ B, ấp B, xã V, huyện B (nay là Tân Vĩnh L), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phạm Thành N, bị đơn ông Hà Phước B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các văn bản pháp luật này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thanh toán nợ gốc:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêT, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/4/2024; Giấy phép số 73/GP-NHNN ngày 12/11/2021 về thành lập và hoạt động Công ty T (Việt Nam); Điều lệ của Công ty T (Việt Nam) thì Công ty T (Việt Nam) là tổ chức tín dụng và được thực hiện cấp tín dụng dưới các hình thức "Phát hành thẻ tín dụng".

[4.1]. Xét Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5780759 lập ngày 22/8/2024 giữa Công ty T (Việt Nam) và ông Hà Phước B được lập trên cơ sở sự tự nguyện của hai bên, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và có giá trị ràng buộc giữa các bên để thực hiện hợp đồng, là cơ sở pháp lý để mỗi bên xác định quyền và nghĩa vụ của mình.

[4.2]. Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5780759 lập ngày 22/8/2024 thể hiện Công ty T (Việt Nam) đã cấp hạn mức tín dụng cho ông B với số tiền là 24.771.000 đồng, trong đó: khoản vay là 23.000.000 đồng, bảo hiểm là 1.771.000 đồng.

Căn cứ vào Phiếu báo nợ ngày giao dịch 13/3/2023; Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA do Công ty T (Việt Nam) cung cấp có cơ sở xác định ông Hà Phước B đã được Công ty cấp hạn mức tín dụng với số tiền 23.000.000 đồng và tiền bảo hiểm 1.771.000 đồng. Số tiền trên đã được Công ty chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản số 060163789811 đứng tên ông Hà Phước Bửu .

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì ông B có trách nhiệm trả góp hàng tháng vào ngày 25, trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 25/8/2024 đến ngày 25/8/2026.

Căn cứ Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng; Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng do Công ty T (Việt Nam) cung cấp thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hà Phước B đã thanh toán cho Công ty được 09 kỳ với tổng số tiền là 12.244.059 đồng. Trong đó: Tổng gốc đã trả: 3.044.209 đồng, Tổng lãi, phí đã trả: 9.199.850 đồng. Ông Hà Phước B đã ngưng việc thanh toán trả góp hàng tháng cho Công ty từ ngày 25/7/2025 cho đến nay. Tạm tính đến ngày 30/07/2026 ông Hà Phước B còn phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.726.791 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) yêu cầu ông Hà Phước B phải thanh toán số nợ gốc là 21.726.791 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất: Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

3. Trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, Thống đốc Ngân hàng N1 quy định cơ chế xác định lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

Tại khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định: “4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.”

Tại Mục 8.3 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5780759 lập ngày 22/8/2024 có quy định về trả nợ trễ hạn “… khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận

thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận thì khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả…".

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

Tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5780759 lập ngày 22/8/2024 thì giữa Công ty T (Việt Nam) và ông Hà Phước B có thỏa thuận về lãi suất là 50.00%/năm, tương ứng là 4.17%/tháng.

Căn cứ Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng; Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng do Công ty T (Việt Nam) cung cấp thể hiện từ ngày 25/7/2025 cho đến nay bị đơn ông Hà Phước B đã ngưng không thanh toán tiền gốc và lãi cho Công ty theo thỏa thuận. Tạm tính đến ngày 30/7/2026, số tiền lãi mà ông B phải thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) là: Số tiền lãi trong hạn: 7.879.351 đồng. Số tiền lãi quá hạn: 7.403.124 đồng. Số tiền lãi chậm trả: 546.820 đồng.

Việc bị đơn ngưng trả tiền vốn và lãi hàng tháng cho nguyên đơn là đã vi phạm điều khoản thanh toán của của hợp đồng tín dụng. Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu ông Hà Phước B trả số tiền gốc và lãi là có cơ sở theo quy định tại các Điều 100, Điều 103 và Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán thì: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6]. Từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) đối với bị đơn ông Hà Phước Bửu .

Buộc ông Hà Phước B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 30/07/2026 là: 37.556.086 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.726.791 đồng. Số tiền lãi trong hạn: 7.879.351 đồng. Số tiền lãi quá hạn: 7.403.124 đồng. Số tiền lãi chậm trả: 546.820 đồng.

Đồng thời bị đơn ông Hà Phước B có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5780759 lập ngày 22/8/2024 cho đến khi bị đơn trả nợ xong.

[7] Bị đơn ông Hà Phước B có ý kiến xin trả tiền gốc và trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng bắt đầu trả từ tháng 11 năm 2027 nhưng phía người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý nên ý kiến của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Hà Phước B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.877.804 đồng.

Nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 và Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết 04/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Hà Phước Bửu .

**1.1.** Buộc ông Hà Phước B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 30/07/2026 là: 37.556.086 (Ba mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi sáu) đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 21.726.791 đồng. Số tiền lãi trong hạn: 7.879.351 đồng. Số tiền lãi quá hạn: 7.403.124 đồng. Số tiền lãi chậm trả: 546.820 đồng.

**1.2.** Kể từ ngày 31/7/2026, ông Hà Phước B còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa

thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5780759 lập ngày 22/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T (Việt Nam) thì lãi suất mà ông Hà Phước B phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T (Việt Nam).

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

**2.1.** Ông Hà Phước B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.877.804 đồng (Một triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm linh bốn) đồng.

**2.2.** H1 lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 694.428 (sáu trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm hai mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018757 ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

**3.** Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 34 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Khu vực 10 – TP. HCM (1);
- Thi hành án dân sự TP. HCM (1)
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1)

**Đặng Thị Vân Hương**

2 000025 169209